

Tài liệu mô tả SMS Api

1. Thông tin sửa đổi.....	1
2. Các từ viết tắt.....	1
3. Mô tả kết nối.....	2
3.1. Hàm gửi tin chăm sóc khách hàng từng tin một	2
3.2. Hàm gửi tin chăm sóc khách hàng có từng tin một có RequestID.....	3
3.3. Hàm gửi tin chăm sóc khách hàng theo block	4
3.4. Hàm gửi tin quảng cáo	5
3.5. Hàm lấy số dư của tài khoản trả trước	8
3.6. Hàm lấy CDR chi tiết theo ngày	9
4. Bảng mã lỗi Error	10
5. Các yêu cầu, và ghi chú đặc biệt khác	11
5.1. Yêu cầu bảo mật	11
5.2. Yêu cầu về nội dung tin nhắn.....	11
5.3. Một số quy định khác	12

1. Thông tin sửa đổi

No	Author	Date	Contact	Task
1	Nguyen Tien Dung	19/09/2013	Tiendung.nguyen@vmgmedia.vn	Author
2	Nguyen Tien Dung	09/02/2015	Tiendung.nguyen@vmgmedia.vn	Update schedule time
3	Nguyen Van Thanh	26/04/2016	Thanh.nguyen@vmgmedia.vn	Update Api document
4	Nguyen Van Thanh	11/05/2017	Thanh.nguyen@vmgmedia.vn	Author
5	Nguyen Van Thanh	27/11/2017	Thanh.nguyen@vmgmedia.vn	Author

2. Các từ viết tắt

No	Acronyms	Desc
1	Telco	Operator

2	SMS	Short Message Services
3	API	Application Programming Interface
4	FTP	File Transfer Protocol
5	TPS	Transaction Per Second
6	CS	Customer service team
7	IP Address	https://secure.brandsms.vn/vmgapi.asmx http://brandsms.vn:8018/VMGAPI.asmx

3. Mô tả kết nối

3.1. Hàm gửi tin chăm sóc khách hàng từng tin một

3.1.1. Tên hàm “BulkSendSms”

3.1.2. Cấu trúc hàm

BulkSendSms(string msisdn, string alias, string message, string sendTime, string authenticateUser, string authenticatePass)

3.1.3. Các tham số đầu vào

No	Params	Type	Desc	Note
Method: BulkSendSms				
1	msisdn	String(max)	Số điện thoại nhận tin	Tham số bắt buộc
2	alias	String(50)	Tên thương hiệu(BrandName)	Tham số bắt buộc
3	message	String(500)	Nội dung tin nhắn	Tham số bắt buộc
4	sendTime	string	Thời gian đặt lịch gửi tin	Định dạng: dd/MM/yyyy HH:mm mặc định là trống nếu không phải tin đặt lịch
5	authenticateUser	String(20)	Tên Account cho VMG cung cấp	Tham số bắt buộc
6	authenticatePass	String(20)	Mật khẩu do VMG cung cấp	Tham số bắt buộc

3.1.4. Các tham số trả về

No	Params	Type	Desc	Note
Method: BulkSendSms				
1	error_code	String(max)	Mã lỗi trả	Mã lỗi được VMG định nghĩa

			về	(Xem bảng mã lỗi Error)
2	error_detail	String(50)	Chi tiết lỗi	Mô tả cho mã lỗi
3	messageId	long	Mã tin nhắn trên hệ thống VMG	Bằng 0 nếu lỗi Bằng 304 nếu tin nhắn bị lặp Bằng ID trên hệ thống VMG nếu là tin nhắn thành công

3.2. Hàm gửi tin chăm sóc khách hàng có từng tin một có RequestID

3.2.1. Tên hàm “BulkSendSmsWithRequestId”

3.2.2. Cấu trúc hàm

BulkSendSmsWithRequestId(string requestId, string msisdn, string alias, string message, string sendTime, string authenticateUser, string authenticatePass)

3.2.3. Các tham số đầu vào

No	Params	Type	Desc	Note
Method: BulkSendSmsWithRequestId				
1	requestId	String(50)	ID của hệ thống đối tác	Tham số bắt buộc
2	msisdn	String(max)	Số điện thoại nhận tin	Tham số bắt buộc
3	alias	String(50)	Tên thương hiệu (BrandName)	Tham số bắt buộc
4	message	String(500)	Nội dung tin nhắn	
5	sendTime	string	Thời gian đặt lịch gửi tin	Định dạng: dd/MM/yyyy HH:mm mặc định là trống nếu không phải tin đặt lịch
6	authenticateUser	String(20)	Tên Account cho VMG cung cấp	Tham số bắt buộc
7	authenticatePass	String(20)	Mật khẩu do VMG cung cấp	Tham số bắt buộc

3.2.4. Các tham số trả về

No	Params	Type	Desc	Note
Method: BulkSendSmsWithRequestId				
1	error_code	String(max)	Mã lỗi trả về	Mã lỗi được VMG định nghĩa (Xem bảng mã lỗi Error)
2	error_detail	String(50)	Chi tiết lỗi	Mô tả cho mã lỗi
3	messageId	long	Mã tin nhắn trên hệ thống VMG	Bằng 0 nếu lỗi Bằng 304 nếu tin nhắn bị lặp Bằng ID trên hệ thống VMG nếu là tin nhắn thành công

3.3. Hàm gửi tin chăm sóc khách hàng theo block

3.3.1. Tên hàm “BulkMessageBlockReciver”

3.3.2. Cấu trúc hàm

BulkMessageBlockReciver([string](#)[] msisdns, [string](#) alias, [string](#) message, [string](#) sendTime, [string](#) authenticateUser, [string](#) authenticatePass)

3.3.3. Các tham số đầu vào

No	Params	Type	Desc	Note
Method: BulkMessageBlockReciver				
1	msisdns	Array of String	Mảng lưu danh sách số điện thoại nhận tin	Tham số bắt buộc
2	alias	String(50)	Tên thương hiệu (BrandName)	Tham số bắt buộc
3	message	String(500)	Nội dung tin nhắn	
4	sendTime	string	Thời gian đặt lịch gửi tin	Định dạng: dd/MM/yyyy HH:mm mặc định là trống nếu không phải tin đặt lịch
5	authenticateUser	String(20)	Tên Account cho VMG cung cấp	Tham số bắt buộc
6	authenticatePass	String(20)	Mật khẩu do VMG cung cấp	Tham số bắt buộc

3.3.4. Các tham số trả về

No	Params	Type	Desc	Note
Method: BulkMessageBlockReciver				
1	error_code	String(max)	Mã lỗi trả về	Mã lỗi được VMG định nghĩa (Xem bảng mã lỗi Error)
2	error_detail	String(50)	Chi tiết lỗi	Mô tả cho mã lỗi
3	progCode	string	Mã tin nhắn trên hệ thống VMG	Bằng 0 nếu lỗi Bằng 304 nếu tin nhắn bị lặp Bằng ID trên hệ thống VMG nếu là tin nhắn thành công
4	detail	List<Object>	Danh sách chi tiết các tin nhắn	Nếu tin nhắn bị lỗi sẽ là null, cấu trúc Xem mục 3.3.5

3.3.5. Mô tả cấu trúc detail

No	Params	Type	Desc	Note
Method: BulkMessageBlockReciver				
1	msisdn	String(max)	Số điện thoại nhận tin	
2	msg	String(50)	Chi tiết lỗi	Mô tả cho mã lỗi
3	isSuccess	int	Trạng thái tin nhắn	Bằng 1 nếu thành công, Bằng 0 nếu thất bại
4	messageid	string	Mã tin nhắn	Tạm thời chưa dùng tham số này

3.4. Hàm gửi tin quảng cáo

3.4.1. Tên hàm “AdsSendSms”

3.4.2. Cấu trúc hàm

AdsSendSms([string](#)[] msisdns, [string](#) alias, [string](#) message, [string](#) sendTime, [string](#) authenticateUser, [string](#) authenticatePass)

3.4.3. Các tham số đầu vào

No	Params	Type	Desc	Note
Method: AdsSendSms				
1	msisdns	String	Danh sách số	Tham số bắt buộc phải có

		Array	điện thoại nhận tin	trên 2 phần tử
2	Alias	String(50)	Tên thương hiệu (BrandName)	Tham số bắt buộc
3	Message	String(500)	Nội dung tin nhắn	Tham số bắt buộc
4	sendTime	String(10)	Thời gian đặt lịch gửi tin	Định dạng: dd/MM/yyyy HH:mm Thời gian gửi tin cần đúng định dạng và nằm trong khung thời gian cho phép gửi tin quảng cáo của nhà mạng và (thường để thời gian thực tế + 10 phút) (Xem chi tiết bảng 3.4.6 và 3.4.7)
5	AuthenticateUser	String(20)	Tên Account cho VMG cung cấp	Tham số bắt buộc
6	AuthenticatePass	String(20)	Mật khẩu do VMG cung cấp	Tham số bắt buộc

3.4.4. Các tham số trả về

No	Params	Type	Desc	Note
Method: AdsSendSms				
1	error_code	String(max)	Mã lỗi trả về	Mã lỗi được VMG định nghĩa
2	error_detail	String(50)	Chi tiết lỗi	Mô tả cho mã lỗi
3	prog_code	String(250)	Mã chiến dịch quảng cáo trên hệ thống VMG	Đối tác dùng mã này để đối soát hoặc khiếu nại khi có yêu cầu
4	detail	Object	Chi tiết kết quả gửi tin theo từng	Xem chi tiết bảng 3.4.5 bên dưới

			nhà mạng	
--	--	--	----------	--

3.4.5. Mô tả cấu trúc tham số detail

No	APIAdsSendMT	Type	Description	Note
1	Telco	String(10)	Tên telco	
2	error_code	String(10)	Mã lỗi cho từng nhà mạng	error_code =109 thành công với nhà mạng tương ứng, error_code =-2 nếu lỗi
3	error_detail	String(max)	Chi tiết lỗi	
4	prog_code	String(250)	Mã chương trình	Mã chiến dịch quảng cáo trên hệ thống VMG
5	total_sub	int	Tổng số msisdn theo nhà mạng	
6	total_sms	int	Tổng số tin nhắn	

3.4.6. Khung giờ chặn tin QC từ nhà mạng

Viettel	Vinaphone	Mobifone
20h-8h	11h30-13h30	11h30-13h30
	18h-20h	20h-8h
	21h-8h	

3.4.7. Khung giờ chặn tin QC từ VMG

	Điều kiện kiểm tra		Hành động	Diễn giải ý nghĩa
Trường hợp 1	Check ngày tạo đơn hàng	Nếu là thứ 2 - thứ 5	Không cho phép tạo đơn hàng	Chặn tạo đơn hàng đối với các CT gửi muộn sau giờ duyệt tin và ngày gửi tin = với ngày tạo
	Check giờ tạo đơn hàng	Nếu giờ tạo ĐH từ 17h - 23h59		
	Check ngày gửi tin	Nếu ngày gửi = ngày tạo		
Trường hợp 2	Check ngày tạo đơn hàng	Nếu là thứ 7 - CN	Không cho phép tạo đơn hàng	Chặn tạo đơn hàng đối với các CT thao tác vào 2 ngày cuối tuần và ngày gửi tin = với ngày tạo
	Check ngày gửi tin	Nếu ngày gửi là thứ 7 - CN (cùng tuần)		

Trường hợp 3	Check ngày tạo đơn hàng	Nếu là thứ 6	Không cho phép tạo đơn hàng	Chặn tạo đơn hàng đối với các CT gửi muộn sau giờ duyệt tin và ngày gửi tin vào 2 ngày cuối tuần
	Check giờ tạo đơn hàng	Nếu giờ tạo ĐH từ 17h - 23h59		
	Check ngày gửi tin	Nếu ngày gửi tin = ngày tạo hoặc =ngày tạo+1, hoặc =ngày tạo +2		

3.5. Hàm lấy số dư của tài khoản trả trước

3.5.1. Tên hàm “getBalance”

3.5.2. Cấu trúc hàm

getBalance (string authenticateUser, string authenticatePass)

3.5.3. Các tham số đầu vào

No	Params	Type	Desc	Note
Method: getBalance				
1	AuthenticateUser	String(20)	Tên Account cho VMG cung cấp	Tham số bắt buộc
2	AuthenticatePass	String(20)	Mật khẩu do VMG cung cấp	Tham số bắt buộc

3.5.4. Các tham số trả về

No	Params	Type	Desc	Note
Method: getBalance				
1	error_code	String(10)	Mã lỗi trả về	Mã lỗi được VMG định nghĩa (0: Thành công 100: Tài khoản không hợp lệ)
2	error_detail	String(50)	Chi tiết lỗi	Mô tả cho mã lỗi
3	accountName	String	Tên Account đang kiểm tra số dư	

4	status	String	Trạng thái hiện tại của account	Good – Tốt, IsLocked – Bị khóa, deleted – Đã xóa
5	balance	Int	Số dư hiện tại của Account	

3.6. Hàm lấy CDR chi tiết theo ngày

3.6.1. Tên hàm

3.6.2. Cấu trúc hàm

<https://secure.brandsms.vn/CDR/CdrApi.ashx>

3.6.3. Phương thức

HTTP GET

3.6.4. Các tham số đầu vào

Ví dụ:

<https://secure.brandsms.vn/cdr/cdrapi.ashx?account=tenaccount&pass=matkhaub6&type=1&day=15-11-2017>

No	Params	Type	Desc	Note
Method:				
1	Account	String(20)	Tên Account cho VMG cung cấp	Tham số bắt buộc
2	Pass	String(20)	Mật khẩu do VMG cung cấp	Tham số bắt buộc
3	Type	number	Loại quảng cáo hoặc CSKH cần lấy báo cáo	0: Quảng Cáo 1 : CSKH
4	Day	String(10)	Thời gian lấy báo cáo (Theo từng ngày)	Định dạng theo chuẩn dd-MM-yyyy

3.6.5. Các tham số trả về

Cấu trúc json có định dạng:

```
<response>
  <error_code>Mã lỗi</error_code>
  <error_detail>Mô tả mã lỗi</error_detail>
  <file_url>Đường dẫn tải file</file_url>
</response>
```

No	Params	Type	Desc	Note
Method:				
1	error_code	String(10)	Mã lỗi trả về	Mã lỗi được VMG định nghĩa
2	error_detail	String(50)	Chi tiết lỗi	Mô tả cho mã lỗi
3	file_url	String		Đường dẫn tải file chi tiết

4. Bảng mã lỗi Error

error_code	Description	Note
0	Gửi tin nhắn thành công	Tin nhắn đã được VMG nhận thành công
-1	Nội dung tin nhắn có chứa ký tự unicode	Kiểm tra lại nội dung tin nhắn có chứa ký tự unicode hoặc các ký tự không thuộc chuẩn GSM
-2	Lỗi hệ thống	Liên hệ VMG để kiểm tra
100	Xác thực tài khoản không thành công	Liên hệ đội CSKH để được giải quyết
101	Tài khoản bị deactivated	Liên hệ đội CSKH để được giải quyết
102	Tài khoản bị hết hạn	Liên hệ đội CSKH để được giải quyết
103	Tài khoản bị khóa	Liên hệ đội CSKH để được giải quyết
104	Template chưa được kích hoạt	Liên hệ đội CSKH để được giải quyết
105	Template chưa tồn tại	Liên hệ đội CSKH để được giải quyết
106	List user is empty	
107	List user is full	
108	Số điện thoại nhận tin nằm trong danh sách từ chối nhận tin (black list)	Liên hệ đội CSKH để được giải quyết

109	Processed (ads message only)	
110	Thời gian gửi tin không hợp lệ	
111	ProgExisted	
112	Nội dung tin nhắn không hợp lệ	Kiểm tra nội dung tin nhắn theo các quy định của việc gửi tin, Liên hệ đội CSKH để được trợ giúp
304	Send the same content in short time	
400	Không thể trừ tiền	Tài khoản không đủ tiền hoặc có lỗi không thể trừ tiền, nên Thực hiện retry một vài lần trường hợp này, và liên hệ CSKH để được trợ giúp
801	ParamsInvalid	
802	CanNotIdentifyMethod	
900	Lỗi lưu tin nhắn vào CSDL	Tiến hành retry đồng thời liên hệ với kỹ thuật của VMG để kiểm tra
901	Độ dài tin nhắn vượt quá 612 với ký tự thường và 266 ký tự unicode	Kiểm tra nội dung tin nhắn
902	Số điện thoại không đúng	Kiểm tra lại số điện thoại nhận tin
904	BrandName chưa được khai báo	Liên hệ với đội CSKH để được trợ giúp
905	Nội dung không hợp lệ (gửi tin đầu số dài)	Liên hệ CSKH VMG để biết các từ khóa không phù hợp hặc bị chặn
00	Không có CDR	Liên hệ với VMG để kiểm tra

5. Các yêu cầu, và ghi chú đặc biệt khác

5.1. Yêu cầu bảo mật

- Các server kết nối với hệ thống sms của VMG cần được khai báo IP
- Khác hàng tự bảo quản thông tin account và chịu trách nhiệm bảo mật account của mình

5.2. Yêu cầu về nội dung tin nhắn

- Nội dung tin nhắn là các ký tự trong bộ mã GSM 0338
- Chi tiết thao khảo tại https://en.wikipedia.org/wiki/GSM_0338
- Hiện tại VMG chỉ chấp nhận các tin nhắn là ký tự không dấu, các trường hợp khác sẽ được VMG thống nhất với đối tác bằng các quy định cụ thể

5.3. Một số quy định khác

- Với tin nhắn chăm sóc khách hàng: Tin nhắn thành công sẽ có error_code =0 tuy nhiên trường hợp đặc biệt VMG sẽ chặn các tin nhắn cùng nội dung từ một brandname đến một số điện thoại, thời gian chặn có hiệu lực là trong vòng 5 phút. Các tin bị trùng lặp nội dung sẽ được thông báo bằng messageid=304 (các tin nhắn thông thường sẽ >1000) và error_code vẫn bằng 0
- Với tin nhắn quảng cáo: error_code đầu tiên trong response chính là Error code của cả Request, còn error_code thứ 2 trở đi (nếu có) là error code theo từng telco được lọc ra từ request, khi gửi tin nhắn chỉ cần quan tâm đến error_code đầu tiên.